

Số: /SGĐĐT- QLCLGD  
V/v cấu trúc đề thi Kỳ thi tuyển sinh  
vào lớp 10 năm học 2025-2026

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Các phòng giáo dục và đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trung tâm GDNN-GDTX.

Căn cứ vào kết luận của cuộc họp Ban giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được tổ chức vào ngày 04/9/2024 và kết quả Hội thảo xây dựng cấu trúc đề thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026,

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo cấu trúc đề thi Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026, như sau:

### I. Môn Toán học (chung)

- Số câu: 6 câu, thang điểm: 10 điểm.
- Thời gian 120 phút, hình thức thi: Tự luận.
- Mức độ: Biết: 20% tổng số điểm, Hiểu: 50% tổng số điểm, vận dụng: 30 % tổng số điểm.
- Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/ chủ đề	Ghi chú
1	2,0	Tính giá trị của biểu thức chứa căn thức bậc hai, căn thức bậc ba của các số thực	Nhận biết
		Bài toán về căn thức bậc hai, căn thức bậc ba của biểu thức đại số	Thông hiểu
2	2,0	Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn, bất phương trình bậc nhất một ẩn	Thông hiểu
		Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn	Thông hiểu
		Giải bài toán bằng cách lập phương trình hoặc lập hệ phương trình	Vận dụng
3	1,5	Hàm số bậc hai	Nhận biết
		Phương trình bậc hai, định lý Vi-et	Vận dụng
4	1,0	Bài toán về xác suất, thống kê (2 ý)	Nhận biết - Thông hiểu
5	1,5	Hình học trực quan	Thông hiểu
		Hệ thức lượng trong tam giác vuông	Vận dụng
6	2,0	Câu hỏi về các tính chất của đường tròn	Thông hiểu

	Câu hỏi về tứ giác nội tiếp và bài toán liên quan	Vận dụng
--	---	----------

**Lưu ý:** Trong đề thi có ít nhất 03 câu hỏi gắn với yếu tố thực tiễn.

## II. Môn Toán học (chuyên)

- Số câu: 6 câu, thang điểm: **10** điểm.
- Thời gian **150** phút, hình thức thi: Tự luận.
- Mức độ: Thông hiểu: 20% tổng số điểm, vận dụng: 80% tổng số điểm,
- Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	2	- Phép toán căn thức và rút gọn biểu thức. - Biến đổi biểu thức đại số.	Thông hiểu Vận dụng
2	2.5	- Phương trình và hệ phương trình (bỏ hệ phương trình chứa căn). - Bài toán liên quan đến hàm số, đồ thị hàm số và ứng dụng định lý Vi-ét. - Đa thức.	Vận dụng
3	1.	- Các bài toán thực tế về khối hình thực tiễn. - Xác suất.	Thông hiểu
4	2.5	- Đường tròn và các bài toán liên quan (có 2 ý)	Vận dụng
5	1	- Chia hết, số nguyên tố, hợp số, các bài toán về UCLN, BCNN. - Số chính phương. - Phương trình nghiệm nguyên.	Vận dụng
6	1	- Bất đẳng thức và bài toán GTLN, GTNN. - Một số bài toán tổ hợp và suy luận logic cơ bản.	Vận dụng

## III. Môn Ngữ văn (chung)

- Thời gian: 120 phút.
- Hình thức thi: Tự luận.
- Số câu: 7 câu (Phần Đọc hiểu: 05 câu; Phần Viết: 02 câu); thang điểm: 10 điểm.
- Mức độ: Thông hiểu: 45% tổng số điểm, vận dụng: 35% tổng số điểm, vận dụng cao: 20% tổng số điểm.

### 5. Phạm vi và định hướng đánh giá

#### 5.1. Phần đọc hiểu:

Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, là văn bản văn học theo các thể loại của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – Môn Ngữ văn lớp 9.

Lưu ý: Có 01 câu yêu cầu vận dụng kiến thức Tiếng Việt trong phần đọc hiểu

#### 5.2. Phần viết

- Viết đoạn văn nghị luận văn học: bàn về một phương diện nội dung hoặc nghệ thuật được đặt ra từ ngữ liệu đọc hiểu.

- Viết bài văn nghị luận xã hội: bàn về một vấn đề cần giải quyết.

Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	0,75	Đọc hiểu	Mức độ: Thông hiểu 7,5%
2	0,75	Đọc hiểu	Mức độ: Thông hiểu 7,5%
3	1,0	Đọc hiểu	Mức độ: - Thông hiểu: 5% - Vận dụng: 5%
4	1,0	Đọc hiểu	Mức độ: - Thông hiểu: 5% - Vận dụng: 5%
5	0,5	Đọc hiểu	Mức độ vận dụng: 5%
6	2,0	Viết đoạn văn nghị luận văn học: bàn về một phương diện nội dung hoặc nghệ thuật được đặt ra từ ngữ liệu đọc hiểu.	Mức độ: thông hiểu, vận dụng - Thông hiểu: 10% - Vận dụng: 5% - Vận dụng cao: 5%
7	4,0	Viết bài văn nghị luận xã hội: bàn về một vấn đề cần giải quyết.	Mức độ: thông hiểu, vận dụng - Thông hiểu: 10% - Vận dụng: 15% - Vận dụng cao: 15%

#### IV. Môn Ngữ văn (chuyên)

- Số câu: 2 câu, thang điểm: 10 điểm.
- Thời gian 150 phút, hình thức thi: Tự luận.
- Số câu: 02 (Nghị luận xã hội và nghị luận văn học)
- Mức độ: Thông hiểu: 20% tổng số điểm, vận dụng: 50% tổng số điểm, vận dụng cao: 30% tổng số điểm.
- Phạm vi và định hướng đánh giá

Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, là các văn bản theo các thể loại của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – Môn Ngữ văn lớp 9.

Thi phần viết gồm 02 câu:

- + Viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một vấn đề được rút ra từ văn bản.
- + Viết bài văn nghị luận văn học bàn về một vấn đề lí luận văn học, phạm vi dẫn chứng là 01 văn bản văn học cụ thể ngoài chương trình.

Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	4,0	Viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một vấn đề được rút ra từ văn bản.	Mức độ: thông hiểu, vận dụng - Thông hiểu: 10% - Vận dụng: 20% - Vận dụng cao: 10%
2	6,0	Viết bài văn nghị luận văn học bàn về một vấn đề lí luận văn học, phạm vi dẫn chứng là 01 văn bản văn học cụ thể ngoài chương trình.	Mức độ: thông hiểu, vận dụng - Thông hiểu: 10% - Vận dụng: 30% - Vận dụng cao: 20%

### V. Môn Tiếng Anh (chung)

- Số câu: 44 câu, thang điểm: 10 điểm.
- Thời gian 60 phút, hình thức thi: Tự luận (20%) + Trắc nghiệm (80%)
- Mức độ: Nhận biết: 40%, Thông hiểu: 30%, tổng số điểm, vận dụng: 20%, tổng số điểm, vận dụng cao: 10%, tổng số điểm.
- Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1- 2	0.4	Pronunciation	4% nhận biết
3 - 4	0.4	Stress	4% nhận biết
5 -19	3.0	Vocabulary & Structures	24% nhận biết 6 % hiểu
20 - 21	0.4	Synonyms	4% hiểu
22 - 23	0.4	Antonyms	4% hiểu
24 - 25	0.4	Communication	2% nhận biết 2% hiểu
26 - 28	0.6	Error identification	6 % nhận biết
29 - 30	0.4	Text arrangement	4% vận dụng
31- 35	1.0	Reading comprehension: Cloze test	6% hiểu 4% vận dụng
36 - 40	1.0	Reading comprehension: Questions & Answers	8% hiểu 2% vận dụng
41 - 42	1.0	Sentence combination	10 % vận dụng
43- 44	1.0	Sentence transformation	10 % vận dụng cao

### VI. Môn Tiếng Anh (chuyên)

- Số câu: 86 câu, thang điểm: 10 điểm.
- Thời gian: 150 phút, hình thức thi: Tự luận, trắc nghiệm.
- Mức độ: Thông hiểu: 50% tổng số điểm, vận dụng: 30% tổng số điểm, vận dụng cao: 20% tổng số điểm.
- Cấu trúc đề thi:

Phần	Điểm	Số câu hỏi	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	1,5	15	Listening	Dạng bài trắc nghiệm và tự luận (0.1/each)
2	3,5	35	Language: Phonetics: 4 MCQs Grammar: 4 MCQs Word choice: 5 MCQs Synonym: 2 MCQs Antonym: 2 MCQs Phrasal verb and preposition: 4 MCQs Language Function: 4 MCQs Word form: 5 câu tự luận Xác định lỗi sai: 5 lỗi tự luận	Dạng bài trắc nghiệm và tự luận (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each)
3	3	30	Reading: Guided cloze: 8 MCQs Open cloze: 8 câu tự luận Reading comprehension: 8 MCQs Gapped-text: 6 câu tự luận	Dạng bài trắc nghiệm và tự luận (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each) (0.1/each)
4	2	6	Writing: Sentence transformation: 5 câu tự luận Paragraph writing: 1 đoạn văn	Dạng bài tự luận (0.2/each) 1 point

## VII. Môn Tin học

- Số câu: 4 câu, thang điểm: 10 điểm.
- Thời gian: 150 phút, hình thức thi: Lập trình trên máy tính (Ngôn ngữ lập trình: C++, Python).
- Mức độ: Thông hiểu: 35% tổng số điểm, vận dụng: 50% tổng số điểm, vận dụng cao: 15% tổng số điểm.
- Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	2,0	Bao gồm các mức độ 1, 2.	
2	3,0	Bao gồm các mức độ 1, 2, 3	
3	3,0	Bao gồm các mức độ 1, 2, 3, 4.	
4	2,0	Bao gồm các mức độ 1, 2, 3, 4.	

### Nội dung/Chủ đề:

Phân loại theo các mức độ dựa trên độ rộng về kiến thức và phức tạp về kỹ năng, từ mức độ 1 (cơ bản) đến mức độ 4 (nâng cao). Mỗi mức độ có giới hạn cần đáp ứng được về: kỹ năng lập trình, cấu trúc dữ liệu, chiến lược, thuật toán.

## 1. Mức độ 1

### a) Kỹ năng lập trình

- Thao tác với tệp văn bản, thiết bị vào, thiết bị ra.
- Cấu trúc lập trình cơ bản.

### b) Cấu trúc dữ liệu

- Kiểu dữ liệu cơ bản: nguyên, thực, logic, kí tự.

### c) Chiến lược, thuật toán

- Các thuật toán liên quan đến tính chất của số nguyên.
- Tìm kiếm.

## 2. Mức độ 2

### a) Kỹ năng lập trình

- Bao gồm các kỹ năng lập trình của mức độ 1.
- Chương trình con.

### b) Cấu trúc dữ liệu

- Bao gồm các cấu trúc dữ liệu của mức độ 1.
- Cấu trúc dữ liệu cơ bản: xâu (string), mảng (array, list)

### c) Chiến lược, thuật toán

- Bao gồm các chiến lược, thuật toán của mức độ 1.
- Chiến lược Duyệt.
- Sắp xếp.

## 3. Mức độ 3

### a) Kỹ năng lập trình

- Bao gồm các kỹ năng lập trình của mức độ 2.
- Kỹ thuật đệ quy.

### b) Cấu trúc dữ liệu

- Bao gồm các cấu trúc dữ liệu của mức độ 2.
- Cấu trúc dữ liệu được xây dựng sẵn bởi ngôn ngữ lập trình.

### c) Chiến lược, thuật toán

- Bao gồm các chiến lược, thuật toán của mức độ 2.
- Quay lui (backtracking).
- Tìm kiếm nhị phân.
- Chia để trị (divide and conquer).

## 4. Mức độ 4

**a) Kỹ năng lập trình**

- Bao gồm các kỹ năng lập trình của mức độ 3.

**b) Cấu trúc dữ liệu**

- Bao gồm các cấu trúc dữ liệu của mức độ 3.

**c) Chiến lược, thuật toán**

- Bao gồm các chiến lược, thuật toán của mức độ 3.
- Tham lam (greedy).
- Quy hoạch động.

**\* Lưu ý về Hướng dẫn chấm:**

Hướng dẫn chấm phải gồm có:

- + Test chấm
- + Hướng dẫn thuật toán
- + Code tham khảo.

**VIII. Môn Khoa học tự nhiên (kiến thức Vật lý)**

Thời gian 150 phút, hình thức thi: Tự luận.

**1. Phần chung (1,5 điểm)**

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	0,5	Năng lượng với cuộc sống -Năng lượng của Trái Đất. -Năng lượng hóa thạch -Năng lượng tái tạo	Phần lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 25% Vận dụng 10%
2	0,5	Di truyền học với con người và đời sống - Di truyền học với con người - Ứng dụng di truyền học vào đời sống	Phần lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 25% Vận dụng 10%
3	0,5	-Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất  -Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất  -Khai thác đá vôi công nghiệp silicate - Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn Cacbon. Chu trình cacbon và sự ấm lên toàn cầu	Phần lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 20% Vận dụng 10%

## 2. Phần kiến thức Vật lí (8,5 điểm)

1. Số câu: 05 câu

2. Mức độ: Biết: 20 % tổng số điểm, hiểu: 30 % tổng số điểm, vận dụng: 50 % tổng số điểm.

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1 (Cơ học)	2,0 điểm	- Động học: Chuyển động đều - Động lực học + Kiến thức về các lực cơ học: Áp suất, áp suất chất lỏng, Bình thông nhau; lực đẩy Ác si mét; sự nổi. + Khối lượng riêng, trọng lượng riêng; + Năng lượng cơ học (Động năng và thế năng, cơ năng, định luật bảo toàn cơ năng) + Công và công suất + Mômen lực (kiến thức về đòn bẩy)	Mức độ biết, hiểu, vận dụng
2 (Năng lượng nhiệt)	1,0 điểm	- Năng lượng nhiệt - Đo năng lượng nhiệt - Dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt - Sự nở vì nhiệt.	Mức độ biết, hiểu, vận dụng
3 (Điện từ học)	2,5 điểm	- Các kiến thức về dòng điện một chiều; định luật Ôm cho các đoạn mạch mắc nối tiếp, song song và hỗn hợp ; điện năng, công suất điện. - Từ trường, nam châm, lực từ - Cảm ứng điện từ, dòng điện xoay chiều.	Mức độ biết, hiểu, vận dụng
4 (Quang học)	2,0 điểm	- Các kiến thức về sự truyền thẳng của ánh sáng, sự phản xạ ánh sáng, gương phẳng, sự khúc xạ ánh sáng, sự tán sắc ánh sáng. - Bài toán thấu kính. (Không xét bài toán quang hệ)	Mức độ biết, hiểu, vận dụng

5 (Thực hành)	1,0 điểm	<p>Lý thuyết phương án thực hành vận dụng kiến thức thực hành trong các phần sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần cơ học: Đo vận tốc, khối lượng, khối lượng riêng, trọng lượng riêng, thể tích của các chất.</li> <li>- Phần điện học: Đo điện trở, hiệu điện thế, cường độ dòng điện.</li> <li>- Phần nhiệt: Đo được nhiệt lượng trao đổi.</li> <li>- Phần quang học: Đo tiêu cự của thấu kính, chiết suất môi trường.</li> </ul>	Mức độ biết, hiểu, vận dụng
------------------	-------------	--	-----------------------------

### IX. Môn Khoa học tự nhiên (kiến thức Hóa học)

Thời gian 150 phút, hình thức thi: Tự luận.

#### 1. Phần chung (1,5 điểm)

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	0,5	<p>Năng lượng với cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Năng lượng của Trái Đất.</li> <li>-Năng lượng hóa thạch</li> <li>-Năng lượng tái tạo</li> </ul>	<p>Phần lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 25% Vận dụng 10%</p>
2	0,5	<p>Di truyền học với con người và đời sống</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Di truyền học với con người</li> <li>- Ứng dụng di truyền học vào đời sống</li> </ul>	<p>Phần lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 25% Vận dụng 10%</p>
3	0,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất</li> <li>-Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất</li> <li>-Khai thác đá vôi công nghiệp silicate</li> <li>- Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn Cacbon. Chu trình cacbon và sự ấm lên toàn cầu</li> </ul>	<p>Phần lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 20% Vận dụng 10%</p>

#### 2. Phần kiến thức Hóa học (8,5 điểm)

1. Số câu: 5 câu.

2. Mức độ:

Thông hiểu: 40% tổng số điểm, vận dụng: 40% tổng số điểm, vận dụng cao: 20% tổng số điểm.

3. Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	1,5	<b>Cấu tạo chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nguyên tử</li> <li>– Nguyên tố hoá học</li> <li>– Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học</li> <li>– Phân tử; đơn chất; hợp chất</li> <li>– Sơ lược về liên kết hoá học</li> <li>– Hoá trị; công thức hóa học</li> </ul> <b>Nồng độ dung dịch và pha chế dung dịch:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nồng độ mol</li> <li>– Nồng độ phần trăm</li> <li>– Độ tan</li> <li>– Cách pha chế các dung dịch theo nồng độ mol hoặc nồng độ phần trăm.</li> <li>– Thang đo pH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: 0,5 đ</li> <li>- Vận dụng: 1,0 đ</li> </ul>
2	1,5	<b>Nặng Lượng trong các phản ứng hóa học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phản ứng tỏa nhiệt, thu nhiệt.</li> <li>– Ứng dụng các phản ứng tỏa nhiệt thu nhiệt</li> </ul> <b>Tốc độ phản ứng và chất xúc tác:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khái niệm tốc độ phản ứng. chất xúc tác</li> <li>– Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: 1,0 đ</li> <li>- Vận dụng: 0,5 đ</li> </ul>
3	2,0	<b>Hóa học vô cơ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Acid – Base –Oxide – Muối</li> <li>– Phân bón hoá học</li> <li>– Kim loại</li> <li>– Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại</li> <li>– Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái đất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: 0,5 đ</li> <li>- Vận dụng: 0,5 đ</li> <li>- Vận dụng cao: 1,0 đ</li> </ul>
4	2,0	<b>Hydrocarbon</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Alkane</li> <li>– Alkene</li> <li>– ...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: 0,5 đ</li> <li>- Vận dụng: 1,0 đ</li> <li>- Vận dụng cao: 0,5 đ</li> </ul>
5	1,5	<b>Dẫn xuất của hydrocarbon</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Ethylic alcohol và acetic acid.</li> <li>– Lipid –Carbohydrate – Protein.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông hiểu: 0,5 đ</li> <li>- Vận dụng: 0,5 đ</li> <li>- Vận dụng cao: 0,5 đ</li> </ul>

**X. Môn Khoa học tự nhiên (kiến thức Sinh học)**

Thời gian 150 phút, hình thức thi: Tự luận.

**1. Phần chung (1,5 điểm)**

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	0,5	Năng lượng với cuộc sống -Năng lượng của Trái Đất. -Năng lượng hóa thạch -Năng lượng tái tạo	Phân lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 25% Vận dụng 10%
2	0,5	Di truyền học với con người và đời sống - Di truyền học với con người - Ứng dụng di truyền học vào đời sống	Phân lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 25% Vận dụng 10%
3	0,5	-Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất -Sơ lược về hóa học vỏ trái đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất -Khai thác đá vôi công nghiệp silicate - Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn Cacbon. Chu trình cacbon và sự ấm lên toàn cầu	Phân lý thuyết trong KHTN 9 Thông hiểu 20% Vận dụng 10%

**2. Phần kiến thức Sinh học (8,5 điểm)**

1. Số câu: 4 câu.

2. Mức độ: Nhận biết: 20% tổng số điểm, Thông hiểu: 30% tổng số điểm, vận dụng: 50 % tổng số điểm.

3. Cấu trúc đề thi:

Câu	Điểm	Nội dung/Chủ đề	Ghi chú
1	2,0	-Quần thể sinh vật. - Quần xã sinh vật. - Hệ sinh thái. - Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong hệ sinh thái: Chuỗi, lưới thức ăn, tháp sinh thái.	Mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng
2	2,5	Di truyền học với con người và đời sống - Di truyền học với con người - Ứng dụng di truyền học vào đời sống - Phương pháp nghiên cứu di truyền của	Mức độ thông hiểu, vận dụng.

			Mendel. - Các quy luật di truyền của Mendel.	
3	2,0		- Bản chất hóa học của gene. - Đột biến gene. - Quá trình tái bản DNA. - Quá trình phiên mã. - Quá trình dịch mã. - Từ gen đến tính trạng.	Mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng.
4	2,0		- Khái niệm, cấu trúc, đặc trưng của bộ NST. - Bộ NST lưỡng bội, đơn bội. - Đột biến NST. - Nguyên Phân - Giảm phân. - Cơ chế xác định giới tính.	Mức độ nhận biết, vận dụng.

Lưu ý: Bài tập tối đa không quá 2 điểm (*Bài tập phần Quy luật di truyền Menden: 1 điểm; Bài tập phần NST: 1,0 điểm*).

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo đúng tinh thần của Công văn này. Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ với Phòng QLCLGD, Sở GDĐT để giải đáp, số điện thoại: 02713 888 703./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, QLCLGD.

**GIÁM ĐỐC**

